

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 17 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 4 năm 2014 do sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Sông Đà	35.700.000.000	46,15
Các cổ đông khác	41.650.000.000	53,85
Cộng	77.350.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : (84-4) 3783 2398
 Fax : (84-4) 3783 2397
 Website : <http://www.someco.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây chuyên công nghệ công nghiệp;
Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp;
- Thử nghiệm hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản; kinh doanh bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, mua bán khí ôxy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; dịch vụ tư vấn thiết kế khác./.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Số 5100199853 ngày 04/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Số 4900262326 ngày 02/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp	56%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0104755407 ngày 15/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Số 0104835162 ngày 05/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thương	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	17 tháng 5 năm 2014	

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thương	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Sơn

Ngày 27 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Số: 383/2014/BCTC-KTTV

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CT
HẠN
U VẤN
ĐỊ
P. HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30/06/2014 - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - HỢP NHẤT

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586.896.355.939	545.201.361.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.497.303.180	4.220.679.853
1. Tiền	111		4.497.303.180	4.220.679.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.734.966.062	6.385.510.455
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.542.233.938)	(3.891.689.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.819.543.943	321.480.573.912
1. Phải thu khách hàng	131		297.667.745.432	276.066.833.125
2. Trả trước cho người bán	132		23.526.369.538	33.633.574.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	13.313.749.449	15.468.486.635
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.688.320.476)	(3.688.320.476)
IV. Hàng tồn kho	140		208.719.783.134	183.597.204.482
1. Hàng tồn kho	141	V.6	208.719.783.134	183.597.204.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.124.759.620	29.517.392.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	126.066.772	16.156.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.680.325.646	14.272.917.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	18.318.367.202	15.228.318.447
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401.999.967.248	404.838.112.558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.911.555.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	6.911.555.361
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		372.266.537.602	367.279.999.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	37.847.251.177	41.003.908.469
- Nguyên giá	222		136.038.561.217	134.311.677.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.191.310.040)	(93.307.768.569)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.633.952.250	1.639.533.150
- Nguyên giá	228		2.175.809.000	2.175.809.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(541.856.750)	(536.275.850)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	332.785.334.175	324.636.557.858
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		28.218.429.646	29.131.557.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	27.161.732.365	27.620.723.703
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		898.885.841	1.353.022.577
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	157.811.440	157.811.440
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		988.896.323.187	950.039.474.154

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		829.491.744.856	793.688.795.992
I. Nợ ngắn hạn	310		587.517.423.916	553.862.379.259
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	178.541.837.477	175.950.395.357
2. Phải trả người bán	312		74.553.222.019	80.038.340.070
3. Người mua trả tiền trước	313		110.402.954.805	93.637.906.789
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	68.449.234.069	63.609.468.501
5. Phải trả người lao động	315		15.148.501.940	13.980.037.497
6. Chi phí phải trả	316	V.16	68.965.339.752	70.349.470.900
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	68.826.557.208	47.029.104.362
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.18		6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.19	2.629.776.646	2.467.219.900
II. Nợ dài hạn	330		241.974.320.940	239.826.416.733
1. Phải trả dài hạn người bán	331		18.795.555.192	19.003.172.740
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	469.960.000	474.366.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	205.890.003.152	205.890.003.152
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.22	16.818.802.596	14.458.874.841
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.266.239.505	122.843.356.858
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	137.266.239.505	122.843.356.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		77.350.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.392.311.120)	(2.392.311.120)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.872.389.696	34.022.512.207
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.581.558.825	4.163.010.575
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.927.424.877	5.122.967.969
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		22.138.338.826	33.507.321.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		988.896.323.187	950.039.474.154
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		205,33	27.283,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	82.580.854.362	101.533.146.420
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.058.925.450	12.516.621
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		79.521.928.912	101.520.629.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	53.028.639.707	69.168.203.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		26.493.289.205	32.352.426.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	29.070.025	61.170.321
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	12.923.370.410	13.778.465.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.268.484.487	13.778.465.087
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.236.342.904	10.960.206.624
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		1.362.645.916	7.674.924.998
11. Thu nhập khác	31		1.578.140.992	-
12. Chi phí khác	32		1.412.398.735	4.175.895.346
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		165.742.257	(4.175.895.346)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1.528.388.173	3.499.029.652
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	656.341.025	2.328.281.585
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			104.620.647
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		872.047.148	1.066.127.420
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(309.888)	793.573.163
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		872.357.036	272.554.257
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		113	39

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, HN

Bán niên Năm 2014

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Mẫu số Q-06d

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - HỢP NHẤT - PPGT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.528.388.173	3.499.029.652
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	V.7	4.871.384.695	5.868.797.709
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	1.650.544.393	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	0	0
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.268.484.487	13.778.465.087
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.318.801.748	23.146.292.448
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-10.116.874.671	-15.475.859.383
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-25.122.578.652	-7.290.028.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.951.001.534	7.567.466.871
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		349.081.274	472.918.393
- Tiền lãi vay đã trả	13		-8.922.680.381	-5.584.421.044
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	-500.000.000	-300.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			3.708.386.605
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-38.006.000	-50.200.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-2.081.255.148	6.194.554.994
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-227.000.000	-415.110.220
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-227.000.000	-415.110.220
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		77.134.545.377	88.081.306.521
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-74.543.103.257	-94.579.591.706
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-6.563.645	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.584.878.475	-6.498.285.185
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		276.623.327	-718.840.411
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.220.679.853	12.607.583.333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		4.497.303.180	11.888.742.922

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Nhóm Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình
- Ngành nghề kinh doanh chính** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan, bao gồm: Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình, Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy.
- Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	91%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đống Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69%	56%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 718 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 551 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các công ty con sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của nhóm công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	2,5

7. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhóm công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do nhóm công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của nhóm công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của nhóm công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi nhóm công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.954.310.689	1.758.560.072
Tiền gửi ngân hàng	2.542.992.491	2.462.119.781
Cộng	<u>4.497.303.180</u>	<u>4.220.679.853</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		<u>10.277.200.000</u>		<u>10.277.200.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.891.689.545)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.650.544.393)	
Hoàn nhập dự phòng		
Cộng	<u>(5.542.233.938)</u>	

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Cán bộ công nhân viên	2.042.079.079	1.356.603.713
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	3.000.000.000
Chi hộ BHXH Hòa Bình	605.649.020	582.104.897
Phải thu khác	790.720.055	3.154.476.730
Cộng	<u>13.313.749.449</u>	<u>15.468.486.635</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.882.567.563)	(1.882.567.563)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(1.805.752.913)	(1.805.752.913)
Cộng	<u>(3.688.320.476)</u>	<u>(3.688.320.476)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.688.320.476)	(3.581.283.881)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>(3.688.320.476)</u>	<u>(3.581.283.881)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.783.225.799	8.428.462.774
Công cụ, dụng cụ	755.922.148	677.948.447
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	198.180.635.187	174.490.793.261
Cộng	<u>208.719.783.134</u>	<u>183.597.204.482</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	47.291.872	15.174.608
Chi phí khác	18.482.100	982.100
Chi phí sửa chữa tài sản	60.292.800	
Cộng	<u>126.066.772</u>	<u>16.156.708</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	17.934.941.202	14.849.892.447
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	383.426.000	378.426.000
Cộng	<u>18.318.367.202</u>	<u>15.228.318.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.241.837.193	78.201.871.712	34.383.352.702	2.484.615.431	134.311.677.038
Mua sắm mới trong kỳ		127.000.000			127.000.000
Tăng, giảm khác	1.240.060.276	205.024.714	140.000.671	14.798.518	1.599.884.179
Số cuối kỳ	20.481.897.469	78.533.896.426	34.523.353.373	2.499.413.949	136.038.561.217
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>7.766.780.572</i>	<i>25.021.198.715</i>	<i>19.020.699.335</i>	<i>338.592.753</i>	<i>52.147.271.375</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.891.884.324	53.900.405.172	28.161.128.762	1.354.350.311	93.307.768.569
Tăng trong kỳ do khấu hao	714.798.517	3.036.224.207	810.913.461	303.867.610	4.865.803.795
Tăng, giảm khác	697.438.844	(1.346.088.507)	653.660.601	12.726.738	17.737.676
Số cuối kỳ	11.304.121.685	55.590.540.872	29.625.702.824	1.670.944.659	98.191.310.040
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.349.952.869	24.301.466.540	6.222.223.940	1.130.265.120	41.003.908.469
Số cuối kỳ	9.177.775.784	22.943.355.554	4.897.650.549	828.469.290	37.847.251.177
<i>Đang chờ thanh lý</i>	<i>926.965.000</i>	<i>6.141.682.156</i>	<i>308.811.500</i>	<i>139.460.281</i>	<i>7.516.918.937</i>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 38.394.832.409 VND và 16.135.171.704 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Trong đó:				
Đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng		500.000.000		500.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	36.275.850	536.275.850
Khấu hao trong kỳ			5.580.900	5.580.900
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ		500.000.000	41.856.750	541.856.750
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000		19.533.150	1.639.533.150
Số cuối kỳ	1.620.000.000		13.952.250	1.633.952.250

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	22.000.000	413.236.078	127.000.000	22.000.000	286.236.078
XDCB dở dang	324.614.557.858	8.170.776.317			332.785.334.175
<i>Công trình thủy điện Nậm Ly</i>	<i>116.984.886.081</i>	<i>508.021.813</i>			<i>117.492.907.894</i>
<i>Công trình thủy điện Bắc Giang</i>	<i>207.588.638.141</i>	<i>7.376.518.426</i>			<i>214.965.156.567</i>
<i>Trụ sở văn phòng Hà Giang</i>	<i>41.033.636</i>				<i>41.033.636</i>
Cộng	324.636.557.858	8.297.776.317	127.000.000	22.000.000	332.785.334.175

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		1.515.000.000		1.515.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tiền thuê đất	8.233.516.252		29.128.006	8.204.388.246
Chi phí thuê văn phòng	19.028.048.340		208.714.116	18.819.334.224
Công cụ dụng cụ	136.539.999		48.560.285	87.979.714
Chi phí khác	222.619.112	6.923.375	179.512.306	50.030.181
Cộng	27.620.723.703	6.923.375	465.914.713	27.161.732.365

14. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	142.779.057.138	143.314.151.798
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	142.779.057.138	143.314.151.798
<i>Chi nhánh Hòa Bình</i>		
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.799.526.953	30.041.020.369
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	34.314.984.571	29.314.984.571
<i>Vay Cán bộ công nhân viên</i>	484.542.382	726.035.798
Vay dài hạn đến hạn trả	963.253.386	2.595.223.190
Cộng	178.541.837.477	175.950.395.357

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>Vay các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	143.314.151.798	30.041.020.369	2.595.223.190	175.950.395.357
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	72.134.545.377	5.000.000.000		77.134.545.377
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(72.669.640.037)	(241.493.416)	(1.631.969.804)	(74.543.103.257)
Số cuối kỳ	142.779.057.138	34.799.526.953	963.253.386	178.541.837.477

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.782.678.533	3.974.984.648	42.074.452	49.715.588.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.370.542.430	656.341.025	500.000.000	13.526.883.455
Thuế thu nhập cá nhân	1.703.907.328	153.860.446	102.379.674	1.755.388.100
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.752.340.210	522.831.200		3.275.171.410
Các loại thuế khác		196.202.375	20.000.000	176.202.375
Cộng	63.609.468.501	5.504.219.694	664.454.126	68.449.234.069

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.528.388.173	3.499.029.652
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.460.511.513	2.740.117.002
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.460.511.513	7.702.575.640
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	936.181.882	2.786.016.682
Lỗi của các Công ty con	1.000.000	4.916.558.958
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con	523.329.631	
- Các khoản điều chỉnh giảm		(4.962.458.638)
Lãi đã thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ		(418.482.585)
Trích lập dự phòng khoản đầu tư và Công ty con		(4.543.976.053)
Tổng thu nhập chịu thuế	2.988.899.686	6.239.146.654
Lỗi các năm trước được chuyển của Công ty con	(670.718.546)	
Thu nhập tính thuế	2.318.181.140	6.239.146.654
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	509.999.851	1.559.786.664
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	146.341.174	768.494.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	656.341.025	2.328.281.585

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	50.767.984.718	43.569.645.427
Phải trả về chi phí công trình	16.409.826.283	24.540.912.691
Phải trả các khoản khác	1.787.528.751	2.238.912.782
Cộng	68.965.339.752	70.349.470.900

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.726.965.209	2.771.119.811
BHXH, BHYT, BHTN	22.752.024.794	19.526.286.983
Cổ tức phải trả	8.870.586.295	8.877.149.940
Tổng Công ty Sông Đà	6.184.136.829	4.190.028.236
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	280.000.000	280.000.000
Quỹ tự nguyện	95.803.688	14.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	325.915.537	357.082.775
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	60.347.822	1.450.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Chi phí phạt thuế	4.047.207.088	1.396.632.988
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xecaman 3	15.947.972.339	
Các khoản phải trả khác	6.385.597.607	7.016.119.130
Cộng	<u>68.826.557.208</u>	<u>47.029.104.362</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.416.566.490	95.578.373		1.512.144.863
Quỹ phúc lợi	1.050.653.410	95.578.373	28.600.000	1.117.631.783
Cộng	<u>2.467.219.900</u>	<u>191.156.746</u>	<u>28.600.000</u>	<u>2.629.776.646</u>

20. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱ⁾	127.591.970.171	127.591.970.171
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	78.067.407.981	78.067.407.981
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	230.625.000	230.625.000
Cộng	<u>205.890.003.152</u>	<u>205.890.003.152</u>

⁽ⁱ⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009-HĐTD-Bắc Giang và số 02/2009-HĐTD-Bắc Giang ngày 21 tháng 01 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án thủy điện Bắc Giang với hạn mức tối đa là 141.406.000.000 VND và 3.710.000 USD, thời hạn vay là 13 năm 6 tháng, ân hạn 2 năm 9 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 4,2%/năm với khoản vay VND và cộng 3% với khoản vay bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ngoại tệ, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Bắc Giang.

- (ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Nậm Ly 1.
- (iii) Khoản vay giữa TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Someco Sông Đà để thanh toán tiền mua xe cầu bánh lốp với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ 01 xe cần trục bánh lốp.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Từ 1 năm trở xuống	963.253.386
Trên 1 năm đến 5 năm	15.953.168.360
Trên 5 năm	189.936.834.792
Tổng nợ	<u>206.853.256.538</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	205.890.003.152	210.214.230.532
Số tiền vay phát sinh trong năm		
Số tiền vay đã trả trong năm		(2.122.557.550)
Số cuối kỳ	<u>205.890.003.152</u>	<u>208.091.672.982</u>

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Tăng do phân loại lại</u>	<u>Số hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	12.233.685.886	2.581.237.211	6.276.745.321	4.272.865.822	16.818.802.596
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955			2.225.188.955	
Cộng	<u>14.458.874.841</u>	<u>2.581.237.211</u>	<u>6.276.745.321</u>	<u>6.498.054.777</u>	<u>16.818.802.596</u>

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến, Bắc Hà, Sử Pán 2, Yantansien có thời gian bảo hành trên 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 - 3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty mẹ trích lập dự phòng Năm nay Công ty mẹ hoàn nhập dự phòng do đã hoàn thành hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	34.022.512.207	4.163.010.575	5.122.967.969	122.843.356.858
Tăng do sáp nhập công ty con	7.350.000.000			2.658.720.743	322.969.877	3.410.097.686	13.741.788.306
Lợi nhuận trong kỳ này						872.357.036	872.357.036
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số						(105.949)	(105.949)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước				191.156.746	95.578.373	(477.891.865)	(191.156.746)
Số dư cuối kỳ này	77.350.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	36.872.389.696	4.581.558.825	8.927.424.877	137.266.239.505

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ tức**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức các năm trước	6.563.645	

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.507.321.304	32.982.129.684
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(309.888)	793.573.163
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong kỳ	1.245.000.000	
Giảm lợi ích Cổ đông thiểu số do sáp nhập	(12.613.778.539)	
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số		(1.102.500.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(238.373.829)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	105.949	(2.202.382)
Số cuối kỳ	22.138.338.826	32.432.626.636

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	82.580.854.362	101.533.146.420
Doanh thu bán hàng hóa		363.636.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.700.877.422	1.420.995.953
Doanh thu hợp đồng xây dựng	76.879.976.940	99.097.633.354
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		650.880.749
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.058.925.450)	(12.516.621)
Giảm giá hàng bán	(3.058.925.450)	(12.516.621)
Doanh thu thuần	79.521.928.912	101.520.629.799
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa		363.636.364
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.700.877.422	1.420.995.953
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	73.821.051.490	99.085.116.733
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		650.880.749

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		414.521.368
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.200.443.171	1.167.860.883
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	48.828.196.536	67.004.932.811
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác		580.888.349
Cộng	<u>53.028.639.707</u>	<u>69.168.203.411</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.006.662	61.170.321
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.363	
Cộng	<u>29.070.025</u>	<u>61.170.321</u>

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.268.484.487	13.778.465.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.341.530	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.650.544.393	
Cộng	<u>12.923.370.410</u>	<u>13.778.465.087</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.465.162.516	6.515.348.197
Chi phí vật liệu quản lý	466.590.326	428.195.314
Chi phí đồ dùng văn phòng	232.994.012	39.944.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	530.485.195	587.292.297
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	27.000.000
Chi phí dự phòng		233.759.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.289.395.807	2.242.822.923
Chi phí bằng tiền khác	2.238.715.048	885.843.865
Cộng	<u>12.236.342.904</u>	<u>10.960.206.624</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	9.090.910	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.388.405.139	
Xử lý khoản nợ không phải trả	179.584.991	
Thu nhập khác	1.059.952	
Cộng	1.578.140.992	

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	926.359.882	2.716.016.682
Lãi chậm nộp BHXH	476.216.800	1.395.193.791
Chi phí khác	53	(5.315.127)
Phạt vi phạm hành chính	9.822.000	70.000.000
Cộng	1.412.398.735	4.175.895.346

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	872.357.036	272.554.257
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	872.357.036	272.554.257
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.735.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	113	39

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2014	735.000	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.735.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	323.913.535	218.740.274
Phụ cấp	99.263.636	14.490.000
Cộng	423.177.171	233.230.274

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Giá trị công trình thực hiện cho Tổng Công ty	1.522.971.264	6.007.087.356
Nhận ứng trước tiền thi công	2.807.757.421	12.059.002.920
Phí bảo lãnh phải trả	28.550.485	69.770.850
Thanh toán công nợ	332.314.085	1.338.777.320
Vay vốn lưu động của Tổng Công ty	5.000.000.000	
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty	2.331.509.556	1.068.813.499
thanh toán tiền khối lượng xây lắp hoàn thành		1.073.427.077
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp	3.858.392.013	
Số tiền đã thanh toán cho Someco trong năm	306.270.265	
Tạm ứng tiền thi công		50.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7		
Ứng khối lượng công trình		200.000.000
Vay vốn lưu động		134.000.000
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp	1.752.774.885	
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp hoàn thành	1.113.570.000	
Bù trừ công nợ	460.992.289	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà		7.528.855.724
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp		7.528.855.724
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	73.905.310.422	69.967.349.473
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	73.905.310.422	69.967.349.473
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện Tây Bắc	39.285.556.065	39.285.556.065
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	33.142.254.770	33.142.254.770
Lãi chậm thanh toán tiền công trình	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	14.816.837.607	15.442.103.796
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	14.816.837.607	15.442.103.796
Cộng nợ phải thu	128.007.704.094	132.223.865.058
Tổng công ty Sông Đà	71.070.053.894	76.971.603.224
Phải trả Tập đoàn tiền vay ngắn hạn	34.314.984.571	29.314.984.571
Cổ tức phải trả	3.213.000.000	3.213.000.000
Lãi vay phải trả	5.876.391.117	4.190.028.236
Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà HH4	19.023.934.495	20.557.597.643
Tiền ứng trước công trình xây lắp	8.613.193.226	19.695.992.774
Phí dịch vụ phải trả	28.550.485	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	280.000.000	280.000.000
Phải trả tiền vay	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7		367.617.830
Phải trả tiền mua vật tư		367.617.830
Cộng nợ phải trả	71.350.053.894	77.619.221.054

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và các công ty con cung cấp.

Các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí, thí nghiệm, tư vấn thiết kế.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<i>Xây lắp</i>	<i>Đầu tư Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.821.051.490		5.700.877.422		79.521.928.912
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần	73.821.051.490		5.700.877.422		79.521.928.912
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.992.854.954		1.500.434.251		26.493.289.205
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.236.342.904)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					14.256.946.301
Doanh thu hoạt động tài chính					29.070.025
Chi phí tài chính					(12.923.370.410)
Thu nhập khác					1.578.140.992
Chi phí khác					(1.412.398.735)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(656.341.025)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					872.047.148
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	420.159.453	7.884.540.239			8.304.699.692
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.184.372.259	120.359.606	32.567.543		5.337.299.408
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1.650.544.393				1.650.544.393

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<i>Xây lắp</i>	<i>Đầu tư Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
<i>Kỳ trước</i>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	99.085.116.733		2.435.513.066		101.520.629.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<i>Tổng doanh thu thuần</i>	<i>99.085.116.733</i>		<i>2.435.513.066</i>		<i>101.520.629.799</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.080.183.922		272.242.466		32.352.426.388
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.960.206.624)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					21.392.219.764
Doanh thu hoạt động tài chính					61.170.321
Chi phí tài chính					(13.778.465.087)
Thu nhập khác					
Chi phí khác					(4.175.895.346)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.328.281.585)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(104.620.647)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<i>1.066.127.420</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>136.000.000</i>	<i>9.610.682.837</i>			<i>9.746.682.837</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>6.087.349.072</i>	<i>227.194.798</i>			<i>6.314.543.870</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>487.351.339</i>				<i>487.351.339</i>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<i>Xây lắp</i>	<i>Đầu tư Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	584.501.769.386	373.808.177.210	18.794.176.591		977.104.123.187
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	584.501.769.386	373.808.177.210	18.794.176.591		988.896.323.187
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	537.807.575.029	273.823.023.018	17.861.146.809		829.491.744.856
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả	537.807.575.029	273.823.023.018	17.861.146.809		829.491.744.856
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	554.384.534.817	365.668.114.297	18.194.625.040		938.247.274.154
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	554.384.534.817	365.668.114.297	18.194.625.040		950.039.474.154
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	509.478.430.853	266.926.960.105	17.283.405.034		793.688.795.992
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả	509.478.430.853	266.926.960.105	17.283.405.034		793.688.795.992

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của nhóm công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho nhóm công ty.

Nhóm công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của nhóm công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của nhóm công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.497.303.180			4.497.303.180
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	297.667.745.432			297.667.745.432
Các khoản phải thu khác	5.063.957.495		6.143.301.295	11.207.258.790
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000		5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	313.164.006.107		12.000.501.295	325.164.507.402
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.220.679.853			4.220.679.853
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	282.978.388.485			282.978.388.485
Các khoản phải thu khác	7.922.714.170		6.143.301.295	14.066.015.465
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000		5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	301.056.782.508		12.000.501.295	313.057.283.803

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro nhóm công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của nhóm công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền phù hợp với yêu cầu thanh toán, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	178.541.837.477	205.890.003.152	384.431.840.629
Phải trả người bán	74.553.222.019	18.795.555.192	93.348.777.211
Các khoản phải trả khác	110.820.640.360	11.012.017.275	121.832.657.635
Cộng	363.915.699.856	235.697.575.619	599.613.275.475
Số đầu năm			
Vay và nợ	175.950.395.357	205.890.003.152	381.840.398.509
Phải trả người bán	80.038.340.070	19.003.172.740	99.041.512.810
Các khoản phải trả khác	86.119.081.529	474.366.000	86.593.447.529
Cộng	342.107.816.956	225.367.541.892	567.475.358.848

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính, tuy nhiên, nhóm công ty đang và sẽ gia hạn thời gian trả nợ của các khoản vay để phù hợp với khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng nhóm công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của nhóm công ty chỉ gồm rủi ro lãi suất. Các khoản vay bằng ngoại tệ chỉ phát sinh ở các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư nên không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của nhóm công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.997.136.714 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.011.935.238 VND). Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.497.303.180		4.220.679.853		4.497.303.180	4.220.679.853
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000		365.000.000		365.000.000	365.000.000
Phải thu khách hàng	297.667.745.432		282.978.388.485		297.667.745.432	282.978.388.485
Các khoản phải thu khác	11.207.258.790	(3.688.320.476)	14.066.015.465	(3.688.320.476)	7.518.938.314	10.377.694.989
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000	(5.542.233.938)	11.427.200.000	(3.891.689.545)	5.884.966.062	7.535.510.455
Cộng	325.164.507.402	(9.230.554.414)	313.057.283.803	(7.580.010.021)	315.933.952.988	305.477.273.782

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	384.431.840.629	381.840.398.509	384.431.840.629	381.840.398.509
Phải trả người bán	93.348.777.211	99.041.512.810	93.348.777.211	99.041.512.810
Các khoản phải trả khác	121.832.657.635	86.593.447.529	121.832.657.635	86.593.447.529
Cộng	599.613.275.475	567.475.358.848	599.613.275.475	567.475.358.848

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm công ty ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

Công ty mẹ chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 Công ty Chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có dự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn